

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 143/2017/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũ Thu, ngày 12 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 191/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T1, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T2, xã V1, huyện V, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Tổ 17, khu 2, phường V2, thành phố U, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T2, xã V1, huyện V, tỉnh T.

Căn cứ vào điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị T1 và anh Bùi Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lương Thị T1 trực tiếp nuôi con Bùi Thị Phương T3, sinh ngày 29/01/2006. Anh Bùi Văn P trực tiếp nuôi con Bùi Đình Quang C, sinh ngày 07/02/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Lương Thị T1 và anh Bùi Văn P có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị T1 và anh Bùi Văn P đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lương Thị T1 tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (chị Lương Thị T1 đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 0002739 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Sau khi đối trừ 150.000 đồng án phí, chị T1 được trả lại 150.000 đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã V1.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ
ngày.....tháng.....năm....., giữa⁽²⁾:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.....tháng.....năm

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.... tháng..... năm là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ⁽³⁾
.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁴⁾
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

